

# HỘI ĐỒNG MỤC VỤ GIÁO XỨ MỘT TIẾN TRÌNH

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG<sup>(\*)</sup>

**Q**uá trình truyền giáo phát triển Công giáo ở Việt Nam gắn liền với quá trình hình thành và phát triển giáo xứ, giáo họ (trước năm 1980 gọi là xứ, họ đạo). Việc ra đời giáo xứ, giáo họ gắn liền với một tổ chức phi quan phương với những tên gọi khác nhau ở mỗi thời kì lịch sử và ở mỗi vùng miền, như: Hội Hàng phủ, Hội Hàng xứ, Ban Chức việc, Ban Quới (quý) chức, Ban Hành giáo, Ban Chấp hành xứ, họ đạo, Hội đồng giáo xứ, Hội đồng mục vụ giáo xứ.

Hội đồng Mục vụ giáo xứ là tên gọi rất mới của loại hình tổ chức này. Bộ Giáo luật 1983, Điều 536 ghi: Đ1. Nếu Giám Mục giáo phận xét là thuận lợi, sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Linh Mục, thì trong mỗi giáo xứ nên thành lập Hội Đồng Mục Vụ, do Cha Sở chủ tọa, và trong đó các tín hữu cùng với những người chiếu theo chức vụ tham gia vào việc săn sóc mục vụ trong giáo xứ cùng đóng góp sự cộng tác của mình vào việc cổ võ sinh hoạt mục vụ. Đ2. Hội Đồng Mục Vụ chỉ có quyền tư vấn, và được điều hành theo các quy tắc do Giám Mục giáo phận đã ấn định.

Tiến trình hình thành, phát triển của Hội đồng Mục vụ giáo xứ (HĐMVGX) theo chúng tôi, thể hiện rõ nét ở những thời kì sau:

## 1. Thời kì từ đầu đến năm 1874

Sở dĩ thời kì này kết thúc vào năm 1874, bởi đây là thời điểm vua Tự Đức kí Hòa ước Giáp Tuất với Thực dân Pháp bãi bỏ lệnh cấm đạo.

### 1.1. Những tiền đề

Giáo hội Công giáo Việt Nam thuộc vào diện truyền giáo. Buổi đầu hoạt động truyền giáo thuộc về các giáo sĩ Thừa sai Dòng Tên. Người mở đầu cuộc hành trình truyền đạo ở Miền Bắc là Giáo sĩ Alexandre de Rhodes (quen gọi là Đắc Lộ). Trong điều kiện các giáo sĩ Thừa sai ít, lại gặp phải sự cấm đạo của các triều đại phong kiến, thời gian đầu linh mục là người Việt chưa được đào tạo (một thời gian hàng trăm năm sau linh mục người Việt vẫn rất ít), để duy trì thậm chí là phát triển đạo, Đắc Lộ đã có sáng kiến chọn một số giáo dân tiêu biểu để thực hiện công việc này. Dần dần họ được tập hợp trong một tổ chức là Hội các thầy giảng. Hội thành lập ở Đàng Ngoài vào năm 1630 và sau này ở Đàng Trong vào năm 1643.

Tài liệu của Nguyễn Khắc Xuyên cho biết: Theo bài điều trần về các thầy giảng Amaral viết từ Kẻ Chợ ngày 25/3/1637, tổ chức này gồm 4 bậc hay 4 cấp: cấp một là

<sup>\*</sup>. PGS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

các thầy giảng, cấp hai là các kẻ giảng, cấp ba là các tập sinh (các cậu, các chú bé) và cấp bốn là trợ giảng hay các người bồ. Theo giáo sĩ Deydier vào khoảng từ năm 1666, hội các thầy giảng chia làm ba hạng, không kể các tập sinh là các cậu, các chú bé còn nhỏ. Hạng thứ nhất là các thầy giảng được linh mục trao cho việc cắt nghĩa giáo lí, dạy học kinh, học giáo lí và làm phép rửa tội khi cần và khi có phép. Hạng hai là những thầy chỉ được trông coi học kinh, học giáo lí, giữ trật tự trong các cuộc họp cầu nguyện. Hạng ba là những người phục dịch vật chất như trông coi nhà cửa, các việc vặt cơm nước, chèo thuyền. Các linh mục bản quốc tiên khởi được chọn nơi các thầy giảng hạng nhất hoặc hạng hai<sup>(1)</sup>.

Đến thời điểm 1650 - 1656 do giáo sĩ Maiorica cai quản giáo đoàn Đàng Ngoài, số thầy giảng lên đến 70. Họ được chia làm ba bậc: Thầy tập sự, thầy hoạt động chưa khẩn và thầy hoạt động đã khẩn<sup>(2)</sup> (nghĩa là khẩn 3 lời khẩn nhân đức: vàng phục, trinh khiết, khó nghèo).

Công đồng Đàng Ngoài năm 1670 chính thức hóa tổ chức thầy giảng. Khoản 4 của Công đồng có danh sách các thầy đi giúp các cha xứ. Họ được 4 chức nhỏ: Khoản 5 và 6 nói tới quyền bổ nhiệm các thầy giảng, bốn phân tường trình công việc ba tháng một lần. Khoản 7 nhấn các chức sắc trong công việc cộng đồng giáo xứ phải tường trình công việc này với các thầy.

Như vậy tổ chức các thầy giảng là tổ chức thuộc địa phận, dưới quyền giám mục địa phận, sau này là thành phần chính yếu của tổ chức Nhà Đức Chúa Trời

cũng thuộc bản quyền địa phận. Hình như sau này, không bó buộc “khẩn ba nhân đức”, tuy vẫn giữ, giữ mà không khẩn, khẩn theo ý hướng Giáo luật<sup>(3)</sup>.

## 1.2. *HĐMVGX ở một số vùng, miền và dòng*

Vào cuối Công đồng Đàng Ngoài năm 1670 nhóm họp với việc phân định xứ đạo dần dần trong các xứ đạo xuất hiện những người được cộng đồng giáo dân bầu lên đảm nhận một số công việc tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo. Điều 7 của Công đồng viết: Nơi nào có đông tín hữu, thì mỗi họ đạo sẽ cất cử những người đức hạnh nhất trọng họ đạo để lo việc hội họp kinh nguyện, việc rao lịch, giúp giáo dân giữ cẩn thận các ngày kiêng thịt và quan tâm đến người khác. Điều 21: Những linh mục quản nhiệm, các thầy giảng và quý chức phải khích lệ giáo dân sống khó khăn, năng nguyện ngắm, ít ra theo lịch các ngày kiêng thịt, đặc biệt trong những ngày đó, suy ngắm về sự chết của Chúa Giêsu Kitô. Những người này không phải là thầy giảng mà được gọi với những tên gọi khác nhau. Đồng thời cùng đảm nhận một công việc tương tự như nhau nhưng ở mỗi vùng, miền hay dòng truyền giáo lại được gọi khác nhau.

Đối với các họ đạo thuộc dòng Đa Minh, *Sử kí địa phận Trung* cho biết: “Mỗi một họ cũng có họ riêng về hội ấy, có hai ông quen gọi là chánh phó trùm đứng đầu, lại có ông thư kí và ít nhiều việc khác y như trong hội chung bản xứ

1. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên. *Lịch sử Địa phận Hà Nội (1626-1954)*, Paris, 1994, tr. 29, 30.

2. *Lịch sử Địa phận Hà Nội (1626-1954)*, Sđd, tr. 33.

3. *Lịch sử Địa phận Hà Nội (1626-1954)*, Sđd, tr. 95.

vậy. Mỗi một họ lại cất một vài người đàn anh có lòng ngoan đạo sốt sắng làm trợ mạnh để coi kẻ liệt về phần linh hồn, ấy là để giúp kẻ liệt năng dọn mình ăn mày các phép Sacramentô cho phải phép, cùng lo liệu rước đấng thầy cả đến làm các phép Sacramentô cho kẻ ấy và khi có kẻ liệt lờ mong sinh thì, mà chẳng có đấng thầy cả ở đấy, thì kẻ coi sóc phải giúp cùng đọc kinh phó linh hồn cho nó.

Lại trong mỗi một họ thì vốn quen chọn lấy một ông và một bà có phần tỉnh táo kinh sách, và có lòng sốt sắng ngoan đạo, mà đặt là ông trưởng bà trưởng để coi sóc các trẻ trong họ, và dạy kinh, cùng đưa chúng nó đến nhà thờ đọc kinh chung sớm tối, và coi sóc chúng nó khi đi, khi về, cùng khi ở nhà thờ cho có phép tắc nghiêm trang. Lại nếu họ nào có đông trẻ lắm, thì chẳng những đặt một ông Trưởng, một bà trưởng mà thôi, mà lại cũng nhiều hơn<sup>(4)</sup>.

Ngày nay chức trùm, chức trưởng vẫn thấy duy trì ở các địa phận vốn thuộc dòng Đa Minh cai quản, mà Địa phận Hải Phòng là một ví dụ<sup>(5)</sup>. Các họ đạo thuộc các địa phận do Hội Thừa sai Paris cai quản, đứng đầu họ đạo cũng là trùm trưởng, giúp việc cho trùm trưởng là trùm phó như ở các họ đạo thuộc dòng Đa Minh nhưng công việc dạy kinh bổn cho trẻ lại thuộc về những người có chức vụ quản giáo. Thư chung của Phêrô Maria Đông, Giám mục Địa phận Tây Đàng Ngoài gửi bốn đạo địa phận viết: “Cũng phải khuyên giùm quản giáo dạy dỗ trẻ con quanh năm, nhất là trong mùa chay, trong tháng Rô-sariô và trong hai tuần trước khi làm phúc lượt để cho mình dễ làm phúc cho nó hơn. Mà chẳng những là quản giáo

phải chăm chút dạy dỗ trẻ con, lại phải nhận đưa chúng nó đi xem lễ ngày lễ cả, lễ lạy, khi thầy cả làm lễ ở họ đạo gần, và coi sóc cho nó giữ phép tắc đang khi xem lễ nữa<sup>(6)</sup>. Về chức thư kí, ở các họ đạo thuộc địa phận các địa phận Hội Thừa sai Paris cai quản quen gọi là thư dịch giữ việc sổ sách, thu chi.

Các chức vụ này ở các địa phận thuộc dòng Đa Minh cai quản được tập hợp trong một tổ chức gọi là *Ban (hay Hội) Hàng phủ, Ban (hay Hội) Hàng xứ*. Còn với các địa phận thuộc Hội Thừa sai Paris cai quản (chủ yếu là ở Miền Bắc, trừ Địa phận Vinh) vừa thấy gọi là Ban (hay Hội) Hàng phủ, vừa thấy gọi là *Ban Hành giáo xứ, họ đạo*.

Riêng Địa phận Vinh, các chức vụ trong xứ đạo gồm: Trùm trưởng, người đứng đầu xứ, trùm phó người giúp việc cho trùm trưởng, thư kí: trông coi việc sổ sách, thu chi được tập hợp trong một tổ chức với tên gọi: Ban chức việc xứ hay còn gọi là Ban Câu trùm<sup>(7)</sup>.

Những địa phận có phiên đạo (tổ chức trung gian giữa họ đạo với xứ đạo), các chức vụ của phiên đạo giống như các chức vụ của họ đạo gồm trùm phiên, trùm phó, quản giáo, thư dịch. Ngoài chức trùm phiên theo nghĩa là người đứng đầu phiên đạo, trong các xứ, họ đạo

4. *Sử kí địa phận Trung*, in tại Phú Nhai đường, 1916, tr. 141.

5. Cuốn *Lề luật họ đạo* Địa phận Hải Phòng xuất bản năm 1992, tr.12 viết: “Ban Hành giáo xứ, họ do giáo dân bầu ra, thành phần gồm có: 01 trùm cả, 01 trùm hai (nếu xứ họ đạo nhiều giáo dân có thể bầu ra ông trùm hai), 01 ông trưởng họ, 01 bà trưởng, 01 ông trưởng.

6. *Sách thuật lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*, in tại Kẻ Sở, 1906, tr. 208.

7. Trên gọi Ban Hành giáo xứ, Ban Chức việc hay Ban Câu trùm được ghi nhận bởi tài liệu điền dã, hiện chúng tôi chưa tìm ra văn bản ghi chép đương thời.

thời kì này còn có chức trùu phiên, hay còn gọi là trùu Santi, đó là những người được xứ, họ đạo cử ra, đến kì, hạn (phiên) thì giúp vào công việc châu Minh Thánh (Thánh Thể) của xứ, họ đạo.

Xứ đạo Hà Hồi (xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, Hà Nội) năm 1902 khi tách xứ, do họ trị sở lớn nên giáo dân chia làm 3 phiên để thay nhau trợ giúp linh mục cử hành phụng vụ. Các phiên đạo ở đây được xem như là khu đạo hoặc xóm đạo hay dàu đạo với các chức vụ trùu dàu, quản giáo, thư kí. Vì vậy trùu phiên ở đây khác với trùu phiên (Santi).

Tài liệu diên dã của chúng tôi ở một số xứ, họ đạo thuộc Hội Thừa sai Paris ở Miền Bắc ghi nhận chức Đầu mục. Trong dân gian có sự giải thích khác nhau nhưng được hiểu đây là một chức vụ thuộc về làng Công giáo (tương thích với xứ đạo hay họ đạo) là người đứng đầu một cộng đồng giáo dân thuộc về một làng hay một xóm đạo toàn tông.

Thay vì tên gọi Ban Hàng phở, Ban Hành giáo xứ, họ đạo như ở Bắc Bộ, mỗi xứ đạo ở Nam Bộ (quen gọi là họ đạo) có ban Quới (quý) chức. “Cha Sở thường bàn với một số người đạo đức, có uy tín để chọn người vào hàng Quới chức. Những người được chọn sẽ được Cha Sở đề bạt lên giám mục giáo phận để chính thức cấp bằng. Bao lâu mỗi Quới chức còn có sức khỏe và uy tín để làm việc, thì vị đó có thể làm việc nhiều năm liền mà không ấn định nhiệm kì rõ rệt”<sup>(8)</sup>.

“Công nghị Hội An (Faifo) họp từ ngày 26/10 đến 18/11/1672 do Giám mục Lamber de la Motte triệu tập và chủ tọa. Tham dự công nghị có 6 linh mục thừa sai, mà thế giá hơn cả là Mahot và

Vachet vùng 4 linh mục Việt Nam với một số thầy giảng. Công nghị này đề cập đến nhiều vấn đề tương quan đến đời sống luân lí và bí tích của giáo dân, đến kỉ luật và quản trị trong các họ và trong giáo phận. Công nghị thảo luận kĩ lưỡng và phân tích rõ ràng vai trò và nhiệm vụ của các quý chức trong họ đạo. Có thể tóm tắt như sau:

*Cần thiết* phải chọn lựa những quý chức cho những họ đạo tương đối đông đảo. Quý chức phải là những tín hữu đức hạnh khôn ngoan.

*Nhiệm vụ* của quý chức trong những khi linh mục và các thầy giảng vắng mặt là chăm lo những buổi cầu nguyện, rao lịch những ngày kiêng thịt, dạy giáo lí, thăm viếng bệnh nhân, rửa tội cho trẻ em, người lớn, với người lớn phải biết rõ tình trạng hôn phối của họ, quản lí sổ hôn phối và sổ tử, giúp đỡ tín hữu sống Phúc Âm<sup>(9)</sup>.

Như vậy, nhiệm vụ của quý chức được quy định bởi giáo quyền.

Các chức vụ trong Ban Quới chức gồm:

*Trùm nhất*: Đứng đầu họ chánh, nơi có Cha Sở.

*Trùm nhì*: Đứng đầu họ nhánh (họ lẻ hay phần sở); Ở họ chánh cũng có thể có trùm nhì giúp việc cho trùm nhất.

*Cầu*: Đứng sau trùm nhất, trùm nhì, đóng vai trò phụ tá cho trùm nhất, trùm nhì. Cũng có khi gọi là *cầu kê* hoặc *cầu dương*. Nếu là cầu dương, nhiệm vụ chủ yếu là giữ trật tự trong nhà thờ. Nếu là

8. *Lịch sử họ đạo Chợ Quán 1723-1996* (Lưu hành nội bộ), tr. 20.

9. *Hội đồng Quý chức - Quý chức họ đạo ở Việt Nam tham gia vào thừa tác vụ của linh mục*, Paris, 2011.

*cầu đồng nhi*, nhiệm vụ là dạy giáo lý cho trẻ em.

*Biện*: Người có trách nhiệm và địa vị sau chức cầu chuyên lo về việc hành chính. Nếu là *biện việc*, nhiệm vụ là giữ sổ sách giấy tờ trong họ đạo. Nếu là *biện nhi đồng*, nhiệm vụ là phụ trách các em giúp lễ.

*Giáp*: người có chức thấp nhất trong Quới chức, là người tập sự giúp việc chung của họ đạo.

Theo Linh mục Đỗ Quang Chính: “Ngoài thành phần Ban chức việc trong họ, còn có ông *trưởng chánh* và ông *trưởng phó* đứng đầu các ông Trùm ở địa phận Tây Đàng Trong. Hai vị này không có quyền hành thực sự trên các Ban chức việc họ, nhưng mỗi lần các Ban chức việc họ trong địa phận muốn chúc mừng Đức Giám mục hay Bề trên địa phận chẳng hạn, thì hai vị này đứng ra lo công việc ấy. Thường thường hai vị này cũng kiêm luôn chức trùm nhất và trùm nhì họ nhà thờ nào lớn nhất”<sup>(10)</sup>.

## 2. Thời kì từ năm 1874 đến 1954

Đây là thời kì nhà Nguyễn chấm dứt chính sách cấm đạo. Công giáo được tự do hoạt động. Một trong những việc củng cố tổ chức thời kì sau khi nhà Nguyễn bãi bỏ chính sách cấm đạo của Công giáo là việc quan tâm củng cố lại tổ chức xứ, họ đạo trong đó có Hội đồng Mục vụ. Điều quan tâm này trước hết thuộc về giáo quyền.

Năm 1884, Giám mục Colombert trong việc lo tổ chức lại xứ, họ đạo có việc ấn hành cuốn “Chức sở Mục lệ”. Hiện tài liệu này không tìm thấy ở dạng nguyên bản, chỉ được biết đến qua cuốn *Thiên Chúa Thánh giáo nhật khóa Chúa nhật pháp*, từ trang 629 đến trang 660, Sài Gòn, 1898. Theo bản văn này, cấu trúc cuốn *Chức sở*

*Mục lệ* gồm có: Tựa và 70 điều trong 5 đoạn. Có thể tóm tắt như sau:

*Chức sở Mục lệ Tựa*. Trang mở đầu xác nhận, theo truyền thống việc tổ chức cơ cấu những quý chức có từ buổi đầu công cuộc truyền giáo tại Việt Nam; Trình bày những lí lo đưa đến sự biên soạn và ấn hành cuốn Chức sở Mục lệ (CSML); nói đến bốn phận của các chức sở phải đọc cho kĩ và giữ cho đúng những điều viết trong cuốn CSML, và đến phần thưởng đời đời dành cho những người tìm kiếm Nước Thiên Chúa trước tiên.

ĐOẠN THỨ NHẤT: *Nói về sự bầu cử chức sở là có ý nào* nghĩa là “nói về ý nghĩa của sự chọn lựa những quý chức (QC) của họ đạo” (Đ.1-4): Khi xưa Chúa Kitô chọn 12 môn đệ, ngày nay theo gương Ngài, các bề trên trong Giáo hội cũng tuyển chọn các QC (Đ.1); trước hết để các linh mục có những cộng tác viên và giáo dân gương mẫu (Đ.2). Mặc dù những QC không thể chờ đợi những mối lợi lộc vật chất bởi phẩm chức của họ, họ biết rằng sự quan trọng của những gì là siêu nhiên vượt hơn những gì là thế tục, phẩm chức của họ đáng được quý trọng hơn tất cả những phẩm chức thế tục (Đ.3). Vậy thì, những người tham dự vào phẩm chức của họ đạo có thể là những chức sắc của thôn làng hay của những chức vị phần đời khác (Đ.4).

ĐOẠN THỨ HAI: *Nói về sự bầu cử chức sở cùng số chức sở trong mỗi họ là bao nhiêu* (Đ.5-12): QC được phân biệt ra nhiều cấp bậc: trong họ đạo lớn thì có các ông Trùm phủ, Trùm nhất, Trùm nhì;

10. Lm. Đỗ Quang Chính S.J., *Sinh hoạt họ nhà thờ Việt Nam thời xưa*, Bản tin Hiệp thông, số 5-1999, tr. 279.

trong họ đạo nhỏ thì có các ông Cầu nhất, Cầu nhì; trong mỗi họ đạo lớn hay nhỏ đều có Biện việc, Biện sở và Giáp. Các ông Biện phụ tá ông Trùm và ông Cầu; còn ông Giáp là người đặc trách một khu hay một xóm (Đ.5). Mỗi chức sở (QC) phải được bầu cử bởi giáo dân hay bởi những thành viên của Hội Đồng Quý Chức, sau đó phải được cha xứ tán thành. Quý chức cấp cao còn được Đức Giám mục cấp bằng (Đ.6). Để là ứng viên, thứ nhứt phải có công làm giáp một ít năm, thứ hai phải đăng chừng 30 tuổi, thứ ba, cách ăn nết ở phải hiền từ đức hạnh, danh thơm tiếng tốt, thứ bốn, phải thông hiểu lễ đạo cho đăng dạy dỗ người ta những điều cần kíp, thứ năm, phải giữ đạo cho chín chắn, thứ sáu, phải biết đọc cũng biết viết chữ quốc ngữ hay là chữ nôm (Đ.7). Các chức sở đã được Đức Giám mục cấp bằng thì chỉ có thể bị truất chức bởi Đức Giám mục (Đ.8). Người làm giáp thì cha xứ có quyền chọn và cấp bằng, nên ngài cũng có quyền cất chức khi có lí do chính đáng. Người làm giáp ít nhất phải đủ hai mươi lăm tuổi (Đ.9). Sĩ số QC tùy thuộc tầm quan trọng của mỗi họ đạo: Họ đạo trên một ngàn giáo dân, có thể đặt hai ông Trùm, hai ông Cầu và mười hai ông Biện tùy theo trong họ đạo có nhiều xóm hay ít xóm; còn họ đạo có dưới một ngàn giáo dân và có Cha Sở, thì cần đặt một ông Trùm, hai ông Cầu và chín ông Biện; còn những họ đạo không có Cha Sở thì phải có một ông Cầu và bốn ông Biện. Riêng số ông Giáp thì tùy cha bốn sở (Đ.10). Họ nào muốn thêm sĩ số các chức sở như đã ấn định thì phải xin phép Đức Giám mục (Đ.11). Hiện nay họ đạo nào quá sĩ số các chức sở, thì cứ giữ nguyên, nhưng khi một chức sở qua đời thì không được thay thế (Đ.12).

**ĐOẠN THỨ BA: Nói về chức phận mỗi một người trong hàng chức sở (Đ.13-18):**

**Chức phận trùm phủ:** chức trùm phủ dành cho người có công nghiệp đối với họ đạo hay với Nhà Chung. Người có chức trùm phủ được Đức Giám mục đặt cử nên là bậc đàn anh trên hết các chức sở của họ đạo và trong cả giáo phận (Đ.13).

**Chức phận ông Trùm họ (trùm nhất):** Ông là người đứng đầu cả họ, cả Hội Đồng Quý Chức trong họ, dưới quyền của Cha Sở. Ông phải làm gương tốt cho mọi người (Đ.14); Ông chủ sự đọc kinh trong nhà thờ và các buổi hội QC trong họ (Đ.15), lo giữ bầu khí hòa thuận trong họ, phân xử các vụ xích mích, và trình lên Cha Sở mọi công việc (Đ.16). Nhiệm kỳ của trùm nhất là mãn đời, khi ông đau yếu thì trùm nhì thay thế (Đ.17). Khi ông qua đời, phải đợi đủ ba tháng mới bầu ông Trùm thay thế và xin Đức Giám mục phát bằng bầu cử (Đ.18). Ông Trùm nhì được quyền làm các việc như Trùm nhất, khi ông này vắng mặt hay đau yếu (Đ.19).

**Chức phận câu họ:** Trong họ lớn thì câu họ (trùm nhì) có phận vụ như vừa nói trên, còn trong họ nhỏ thì chức vụ câu cũng giống chức trùm nhất (Đ.20). Vừa khi bầu cử xong, Cha Sở phải xin Đức Giám mục cấp bằng cho câu họ (Đ.21). Nhiệm vụ đặc biệt của câu họ là lo quán xuyến của cải trong họ, vườn và ruộng nhà chung, nhất là việc thu tiền cho mượn ruộng đất (Đ.22). Ông còn phải quan tâm việc giữ sạch sẽ bên trong bên ngoài nhà thờ và đất thánh (Đ.23). Tóm lại, câu họ (trùm nhì) được đặt lên là để giúp đỡ câu nhứt (trùm nhứt) nên có quyền lợi và phận vụ như trùm nhứt (Đ. 24).

*Chức phận Biện việc.* Túc ủy viên tài chính, là người làm việc trực tiếp dưới quyền Cha Sở hay ông Trùm nhất để lo việc xuất phát (chi tiêu) của nhà thờ (Đ.25). Ông được các chức sở trong họ bầu lên với nhiệm kỳ một năm (Đ.26). Ông Biện việc phải lo sắm sửa các đồ thờ phượng trong nhà thờ, lo việc chi tiêu và tiền còn lại nộp về Cha Sở (Đ. 27). Ông phải làm sổ sách nghiêm chỉnh và trình sổ với các chức sở và Cha Sở vào ngày lễ hai thánh Phêrô và Phaolô mỗi năm (Đ.28). Ông phải làm việc dưới quyền Cha Sở và mỗi lần nhóm họp, chính ông phải mời các chức sở tới (Đ.29).

*Chức phận Biện sở.* Mỗi họ đạo chia ra nhiều xóm và mỗi xóm có một biện sở (BS) chịu trách nhiệm (Đ.30). BS như con mắt của Cha Sở để lo toan mọi việc trong xóm, phải trình ngài mọi vụ việc, nhất là khi có gương xấu xảy ra (Đ.31). Do đó phải làm gương tốt và giữ đạo sốt sắng (Đ.32). Cụ thể là phải đi dự các giờ phụng tự trong nhà thờ, như nghe giảng, học sách phần, đọc kinh, dâng lễ, siêng năng đọc kinh sáng tối (Đ.33). Khi Cha Sở muốn gặp ai, BS phải tìm người đó đến. Phải luôn nhớ mình là người thay mặt Cha Sở và bốn đạo trước mặt Chúa (Đ.34).

Biện sở phải học biết cách rửa tội để khi cần kíp thì rửa tội, khi có trẻ em sinh ra đã ba ngày hay người lớn cần rửa tội thì trình Cha Sở (Đ.35), phải cắt nghĩa cho cha mẹ và người đỡ đầu biết những việc họ phải làm (Đ.36); lại phải giúp đỡ và liên hệ với những “mụ bà” hay “phô ông làm thầy thuốc” thường đi rửa tội cho trẻ em ngoại giáo (Đ.37 và 39-40). BS phải sốt sắng dạy giáo lý cho bốn đạo và truyền giáo cho lương dân. Nếu cần phải giúp họ có cơm ăn áo mặc, nhà ở, cả sau

khi họ đã chịu phép rửa tội. Do đó cần đi dự các giờ giáo lý Cha Sở dạy (Đ.38). BS phải làm sổ những người xưng tội rước lễ mùa Phục sinh, những trẻ em Rước lễ lần đầu, chịu Phép xúc trần, những thanh niên chưa rước lễ hay chưa chịu xúc trần, những cặp vợ chồng rỗi, những người mới nhập họ (Đ.41). BS phải quan tâm nhắc nhở những cha mẹ lơ là trong việc giáo dục con cái, bỏ bê việc dạy kinh bổn cho con cái, hay có con đã lớn mà chưa xưng tội hoặc chưa chịu xúc trần; cũng phải nhắc nhở cho các vú bô nhớ phận vụ của họ (Đ.42).

Khi có người đau yếu, BS phải năng thăm viếng, rước linh mục về ban phép Xức dầu cho họ (Đ.43). Khi linh mục kiệu Mình Thánh đến, BS phải lo bày bàn thờ, cùng đọc kinh với những người thân cận gia đình, giúp bệnh nhân dọn mình... (Đ.44). Khi bệnh nhân qua đời, biện việc lo tránh các tục dị đoan, mà theo sách Tử Hầu giúp gia đình tổ chức lễ an táng đúng theo phép Hội Thánh. Sau đây là những việc không được làm trong việc tống táng: phải chôn xác nội trong ba ngày, không được tổ chức ăn uống linh đình, không đốt pháo, chơi nhạc, không được cầu hồn chung trong tư gia, mà phải tổ chức ở nhà thờ họ, phải ăn mặc chỉnh tề, không khóc lóc, không ăn trầu hút thuốc trong khi cử hành lễ an táng, không om xòm, nhưng thỉnh lặng, đọc kinh cầu nguyện và tỏ lòng cung kính (Đ.45). Riêng việc cưới hỏi, biện việc phải nhắc người ta giữ đủ ba lễ: lễ bỏ trầu cau, lễ hỏi và lễ cưới, và dĩ nhiên lễ bỏ trầu cau ít trọng hơn lễ hỏi và lễ hỏi ít trọng hơn lễ cưới. Nếu thấy có một bên đòi hỏi quá lễ công bằng, biện việc phải khuyên răn, bằng không được thì phải trình Cha

Sở. Việc làm dâu sau ngày cưới cũng vậy (Đ.46). Gần ngày cưới, đôi bạn và cha mẹ phải được BS dẫn tới Cha Sở để xin rao ba lần và để dọn mình xưng tội và làm phép cưới chứ không trì hoãn (Đ.47). Ngày lễ cưới, BS phải lo chuẩn bị bàn thờ, nhẫn, nến cho đôi bạn. Sau ngày lễ phải lo sổ sách cẩn thận và đem nộp tờ hôn thú cho làng xã (Đ.48). BS phải nhắc cho hai gia đình biết: lễ ở nhà thờ, tại gia đình và việc đưa dâu về nhà chồng phải làm xong trong một ngày, và phải coi bí tích hôn phối trọng hơn việc cưới dờ. Trong bữa tiệc cưới, lễ thường biện việc được mời tới dự, ông phải lo tránh mọi hình thức dị đoan (Đ.49). Và không cử hành hôn phối trước mặt mấy chức việc làm chứng nữa, trừ khi hoàn cảnh không thể mời được linh mục (Đ.50).

Biện việc lại lo cho trong họ tránh khỏi gương xấu: vì cảnh rối rợ rồi chồng, vì người chồng có vợ bé, vì vợ chồng chia rẽ nhau, cảnh cờ bạc, nghiện ngập, cho vay ăn lãi nặng, làm việc xác ngày chúa nhật, vì bỏ bê con cái. Nếu khuyên răn không được, phải trình lên Cha Sở (Đ.51). BS phải quan tâm giúp đỡ những người già yếu, khó nghèo, những kẻ bị sa cơ, thất thế... Bằng trong họ không ai giúp được thì phải trình Cha Sở (Đ.52).

Thi hành phận vụ như vậy, BS vừa phải nhiệt tâm vừa phải khiêm tốn, không kiêu căng và hằng nhớ lời Chúa Giêsu dạy: “Ai làm lớn phải trở nên bé nhỏ, và phục vụ mọi người” (Mt 10,43-44). Phục vụ như vậy, bây giờ BS được vui trong lòng và ngày sau sẽ được thưởng bội hậu (Đ. 53).

*Chức phận người làm giáp.* giáp là phó biện, chuẩn bị để nhập hàng chức sở.

Cha Sở chọn và cấp bằng cho giáp (Đ.54). BS có quyền đề nghị thêm ông giáp giúp đỡ mình (Đ.55). Phận vụ của ông giáp là phụ tá biện sở. Vì thế trong các buổi hội chức sở, giáp có thể tham dự mà không có quyền bàn luận (Đ.56).

**ĐOẠN THỨ BỐN: Nói về những quyền lợi riêng trong hàng chức sở.** Danh tánh và ngày được thăng cấp của một quý chức phải được ghi chú trong một sổ bộ đặc biệt (Đ.57); Tại nhà thờ, quý chức được ngồi ở hàng ghế giữa, người làm giáp quỳ trên hết và ông Trùm quỳ sau hết (Đ.58): khi không có Cha Sở, các chức sở được quyền rao lịch, đọc thông báo và chủ xướng kinh hạt (Đ.59). Các chức sở hội chung với Cha Sở để bàn tính mọi công việc trong họ (Đ.60). Các chức sở thay phiên nhau đi dự cấm phòng do Đức Giám mục tổ chức (Đ.61). Khi chức sở qua đời, họ đạo sẽ lo việc mai táng (Đ.62), riêng ông Trùm sẽ được họ đạo xin cho ba lễ và ông giáp được một lễ (Đ.63). Hàng năm vào tháng các Đấng, họ đạo xin một lễ cầu cho các chức sở đã qua đời (Đ.64).

**ĐOẠN THỨ NĂM: Nói về những người xin thôi làm chức sở cùng những người phải cất chức.** Khi một chức sở muốn thôi làm việc, phải thưa mọi lễ với Cha Sở để ngài trình lên Đức Giám mục và tìm người thay thế. Chỉ khi được Đức Giám mục chấp nhận và nộp bằng lại cho ngài, lúc ấy mới chính thức thôi việc. Trường hợp một chức sở đi qua họ đạo khác thì không còn là chức sở nữa, trừ khi được Đức Giám mục nhận cho làm chức sở trong họ đạo mới tới (Đ.65). Chỉ các chức sở xin thôi làm việc cách chính đáng mới có thể được phục nhiệm bởi Đức Giám mục (Đ.66).

Những người kể sau đây không được làm việc họ đạo: - Người hám quyền chức mà không lo bổn phận - Người bỏ Mùa Phục sinh - Người rời vợ hay mê đắm dục tình - Người kiện việc đạo ra tòa đời - Người không vâng lời Cha Sở hay ông trùm trong vụ việc quan trọng - Người làm nhục cách nặng hay đánh đập một chức sở - Người nghiện rượu, cờ bạc, thuốc phiện - Người kiện tụng trái lẽ công bằng - Người cho vay ăn lãi quá đáng, hay đồng lõa với đảng cướp (Đ.67). Một chức sở vấp phải những lỗi lầm trên đây, Cha Sở và hàng chức sở phải khuyên nhủ và cảnh cáo đôi ba lần trước, nếu chức sở đó không nghe và sửa mình, thì Cha Sở và hàng chức sở phải cách chức họ (Đ.68). Nếu chức sở làm điều lỗi nặng và công khai, thì sau khi đã hối cải, còn phải xin lỗi công khai là tùy tiện, nghĩa là phải lạy tạ lỗi họ đạo và hàng chức sở (Đ.69).

Sau cùng, mỗi năm một lần, vào dịp lễ thánh Phêrô và Phaolô, các quý chức phải được học tập về cuốn Chức Sở Mục Lệ này (Đ.70)<sup>(11)</sup>.

*Thư chung năm 1899 của Giám mục P. M. Gendreau (Đông), Giám mục Giáo phận Hà Nội* đề ra nội dung tái tổ chức Ban Hành giáo xứ, họ đạo. Theo cuốn Hội đồng Quý chức thì nội dung này so với bản Chức sở Mục lệ về cơ bản là giống nhau. Chỉ có một số khác biệt như: Người đứng đầu họ đạo Bắc Kỳ gọi là Chánh trưởng, ở Nam Kỳ là Trùm nhất, người đứng đầu họ nhánh, họ lẻ (họ đạo nhỏ ở Nam Kỳ) ở Bắc Kỳ gọi là Trùm họ, ở Nam Kỳ gọi là Biện sở...

Thư chung của Giám mục P. M. Gendreau (Đông) sau phần dẫn nhập,

gồm 15 số, được cuốn *Hội đồng Quý chức* tóm lược:

+ *Phần dẫn nhập*. Tất cả các họ đạo đều phải có những quý chức để giúp đỡ linh mục trong việc phụng tự, ban bí tích, lo cho phần rỗi các linh hồn để có thể hy vọng một trật tự bên bỉ và vững chắc trong sinh hoạt cộng đoàn tín hữu vì vinh danh của đạo giáo và vì phần ích thiêng liêng của giáo dân. Vì thế, luôn luôn theo truyền thống có sự đặt định các người phụ trách những họ đạo chính, họ đạo nhỏ hay khu xóm. Một truyền thống đầy lợi ích cần được các họ đạo thực hiện.

Số 1. Những thành viên

Số 2. Nhiệm vụ của mỗi thành viên

Số 3. Sự chọn lựa

Số 4. Phương thức bầu cử

Số 5. Quyền hưởng tuần phòng

Số 6. Quyền tiên chỉ

Số 7. Cuộc đầu phiếu và những đặc quyền

Số 8. Sự đóng góp nêu danh

Số 9. Những quy định về sự đóng góp

Số 10. Tài sản của họ đạo

Số 11. Những khoản chi của họ đạo

Số 12. Những việc đạo đức, cấm phòng

Số 13. Mời linh mục viếng kẻ liệt

Số 14. Những lễ tang

Số 15. Khi có linh mục lưu trú ở cộng đoàn tín hữu<sup>(12)</sup>

11. Toàn bộ phần nội dung cuốn *Chức sở Mục lệ* chúng tôi trích từ cuốn, *Hội đồng Quý chức*, Sđd, tr. 53-57.

12. Theo *Hội đồng Quý chức*, Sđd, tr. 58-59.

Như vậy đến thời điểm này cả Nam Kỳ và Bắc Kỳ đều có quy định về chức năng nhiệm vụ của “Hội đồng Quý chức”.

*Công đồng miền đầu tiên tại Bắc Kỳ.*  
 Công đồng họp từ ngày 10/02/1900 đến 6/3/1900 tại Kê Sặt, Hải Phòng. Công đồng đưa ra nhiều nghị quyết liên quan đến sự cộng tác của giáo dân, nhất là sự cộng tác của quý chức đối với linh mục. Ví dụ: “Trong mỗi họ đạo phải có hai quý chức, được bầu ra bởi chính giáo dân trong họ đạo và được cha xứ tán thành. Họ là những người có danh thơm và hạnh kiểm tốt để nhân danh và thay thế linh mục chăm sóc họ đạo, bảo tồn và quản trị nhà thờ và những tài sản: Họ chăm lo mọi sinh hoạt của họ đạo cho tốt đẹp: quán xuyến các lớp giáo lí, phân xử những tranh tụng nhỏ giữa các giáo dân, nhắc nhở giáo dân tuân giữ luật lệ trong họ đạo, điều khiển những buổi cầu nguyện chung trong nhà thờ ít ra là vào những ngày Chủ nhật và lễ trọng, đọc thông báo và rao lịch phụng vụ, nhắc nhở ngày giữ chay và kiêng thịt... nhất là khi các thầy giảng vắng mặt, ân cần viếng thăm các bệnh nhân trong họ đạo và kịp báo cho linh mục trường hợp có người bệnh nặng để ngài đến ban các bí tích cho bệnh nhân. Về phía cha xứ, ngài phải yểm trợ tối đa những quý chức thuộc quyền. Quý chức có bổn phận báo cho linh mục biết những sự lạm dụng nếu có trong cộng đoàn, thông tin về những đôi bạn sắp thành hôn, những tranh tụng và cãi lộn giữa các gia đình tín hữu, tắt một lời, về tất cả những gì phải làm cho đời sống của họ đạo được tốt đẹp mọi bề.

Đàng khác, Công nghị muốn các cha xứ bổ nhiệm một vài quý chức (nam hay nữ, đạo đức, học thức) làm phận sự người quản giáo chuyên lo cho các trẻ em

ng nghiêm trang và sốt sắng trong nhà thờ, dạy chúng về giáo lí và cách cầu nguyện, một vài quý chức khác lo việc quản trị tài sản của cộng đoàn tín hữu và của nhà thờ, chọn lựa và huấn luyện người (nam hay nữ) lo việc rửa tội khi khẩn cấp. Tuyệt đối, cha xứ không được đánh phạt giáo dân bằng roi hay xử phạt họ theo kiểu cách ngoài đời.

Với tổ chức Ban Hàng xứ còn có công đồng lần thứ hai tại Bắc Kỳ có đề cập tới. Công đồng Đông Dương đề xuất thích ứng cơ cấu Hội đồng Quý chức, Hội Hàng phủ, Hội Hàng xứ vào việc tổ chức Công giáo tiến hành nhưng thực tế về sau cho thấy quy định này không thành công<sup>(13)</sup>. Để thực hiện quyết nghị của Công đồng Đông Dương (1934), Sài Gòn, Quy Nhơn, Hà Nội, Huế đã cho ấn hành cuốn *Chỉ Nam* của giáo phận, quy định về Quý chức (Miền Nam), Ban Hàng xứ (Miền Bắc). Ví dụ cuốn *Chỉ Nam* của Giáo phận Hà Nội, bản đầu tiên in năm 1941 với tiếng Latinh và phụ đề tiếng Việt: *Luật chung địa phận Hà Nội*, nhà in Trung Hòa, Hà Nội. Phần cơ cấu tổ chức ghi (trích): Trên nguyên tắc, Hội Hàng phủ thường gồm 2 ủy ban: Ủy ban Trị sự và Ủy ban Cố vấn (có nơi gọi là Tư vấn), nhưng Ban Tư vấn có thể bị bãi bỏ, bởi vì trong thực tế, đa số các giáo xứ đều không áp dụng.

#### *Ban Trị sự*

Những thành viên: Ban Trị sự gồm có chánh trưởng, một phó trưởng, thư kí, thủ quỹ, trưởng phiên (nhiều ít tùy mỗi xứ), các trùm họ và quản giáo của các họ đạo.

13. Công đồng Bắc Kỳ lần hai họp năm 1912 tại Kê Sặt. Công đồng Đông Dương họp năm 1934 tại Hà Nội.

Nhiệm vụ: Chánh trưởng: phục tùng cha xứ, trông coi các việc trong xứ, giữ sổ sách, lo trật tự, đặt giấy mời hội Hàng phủ với dấu ấn và chữ kí của cha xứ. Phó trưởng phụ tá chánh trưởng trong mọi việc, thay thế chánh trưởng khi ông vắng mặt. Thủ quỹ: thừa lệnh cha xứ coi sóc của công hàng xứ. Thư kí: Biên chép sổ sách (Điều lệ Hàng phủ, công bản, chi thu, kế toán vào dịp lễ Phục sinh và lễ các Thánh, nhân danh). Sổ luôn có hai bản và phải được cha xứ duyệt y. Trưởng phiên: phụ tá chánh trưởng. Trùm: làm đầu một họ và đại biểu cho Hội Hàng phủ. Quản giáo: coi trẻ em trong họ, lo trật tự khuôn phép trong họ, ngôi “tọa thí kinh bốn”<sup>(14)</sup>.

### 3. Thời kì từ năm 1954 đến 1975

Đây là thời kì đất nước chia làm hai miền và kèm theo đó là sự chia đôi của Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Với Công giáo ở Miền Bắc: Ban Hàng (Hành) giáo xứ, họ đạo, Ban Hàng phủ có sự chuyển hướng về tổ chức cho phù hợp với xã hội mới. Thay vì tổ chức công kênh như trước đây, giờ rút gọn. Về tên gọi, được gọi là *Ban Chấp hành xứ, họ đạo*. Cơ cấu gồm trưởng ban phụ trách chung, phó ban giúp việc cho trưởng ban, thư kí, thủ quỹ. Nhiệm vụ của ban chủ yếu trợ giúp linh mục xứ một số công việc mục vụ. Tham gia vận động tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo.

Với Công giáo ở Miền Nam: Bộ phận giáo dân di cư thường sống tập trung thành các giáo xứ, giáo họ nên đã lập ra các Ban Hàng phủ hoặc Hàng (Hành giáo) xứ họ đạo như ở Miền Bắc nơi giáo dân sinh sống trước di cư. Bộ phận giáo dân tại chỗ về cơ bản vẫn duy trì tổ chức

và tên gọi như không chịu sự tác động của chiến tranh. Tuy nhiên, ở những giáo xứ, giáo họ thành thị ít nhiều có cách cải. Sau Công đồng Vatican II, từ những năm 1970 một số địa phận như Huế, Sài Gòn thí điểm thành lập ra Hội đồng giáo xứ với chức danh và tên gọi khác nhau. Chẳng hạn ở giáo xứ Tân Định (Sài Gòn), năm 1965 lập Hội đồng giáo xứ, năm 1975, Hội đồng giáo xứ giảm thiểu, năm 1986, Ban Phụng vụ<sup>(15)</sup>.

### 4. Thời kì từ năm 1975 đến 1986

Đây là thời kì Hội đồng Mục vụ giáo xứ ít có chuyển biến. Công giáo ở Miền Bắc nhìn chung vẫn duy trì tổ chức Ban Hành giáo xứ, họ đạo. Ở Miền Nam có thể là Hội đồng giáo xứ nhưng giảm thiểu rõ rệt các chức vụ, thu hẹp hoạt động: ví dụ như xứ đạo Chợ Quán một trong những xứ đạo có tuổi đời lâu nhất của Sài Gòn. Đây cũng là xứ đạo mà linh mục chính xứ rất chú trọng đến việc xây dựng, cải tiến mô hình tổ chức xứ, họ đạo. Nếu như trước Công đồng Vatican II, giáo xứ còn tổ chức theo mô hình truyền thống - Ban Quới (quý) chức thì sau Công đồng, cơ cấu họ đạo Chợ Quán được tổ chức thành 11 khu (có khu trưởng), mỗi khu gồm nhiều xóm (có xóm trưởng), mỗi xóm quy tụ 10 gia đình, với giáo xứ Tân Định, một giáo xứ cũng vào diện lâu năm ở Sài Gòn lại có bước đi về tổ chức như sau. Dưới thời Linh mục Nicolas Huỳnh Văn Nghi (01/8/1865 - 27/10/1974), Hội đồng giáo xứ gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư kí, thủ quỹ, các ông trưởng khu và trưởng khóm. Họ đạo được chia ra 14 khu và mỗi khu có từ 6 - 12 khóm.

14. Theo *Hội đồng Quý chức*, Sdd, tr. 65.

15. Nguyễn Hồng Dương. *Tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở Việt Nam, Lịch sử - hiện tại và những vấn đề đặt ra*, Nxb. KHXH, 2011, tr. 138.

Sau ngày Miền Nam giải phóng, Hội đồng giáo xứ Tân Định về cơ cấu giảm thiểu. Thời gian này nhân sự chỉ còn 5 người với các chức vụ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 3 ủy viên.

Năm 1980, Hội đồng giáo xứ ngừng hoạt động. Năm 1986 linh mục chính xứ thành lập ban phụng vụ để giúp trong việc điều hành giáo xứ.

Thành phần của ban phụng vụ gồm: Trưởng ban, phó ban, thư ký và 3 ủy viên. Ngoài ban phụng vụ còn có trưởng khu, trưởng các chi họ, trưởng các đoàn thể gọi chung là các trưởng nhóm.

### 5. Thời kì từ năm 1986 đến nay

Năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội lần thứ VI, khởi xướng và lãnh đạo công cuộc Đổi mới toàn diện để phát triển đất nước, trong đó có đổi mới về quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách đối với tôn giáo. Về phía Giáo hội Công giáo Việt Nam là thời kì có điều kiện để củng cố và phát triển tổ chức hành chính đạo trong đó có tổ chức Hội đồng Mục vụ giáo xứ.

Một trong những giáo phận đi đầu vấn đề này là Giáo phận Phát Diệm, nơi có đông giáo dân, có nhiều làng Công giáo toàn tông và vấn đề tổ chức giáo hội cơ sở trở nên bức xúc. Trong Thư chung Mùa Chay năm 1989, Giám mục Giáo phận Bùi Chu Tạo đề cập đến 3 vấn đề.

Một là bầu Ban Chấp hành xứ đạo và họ đạo.

Hai là nhiệm vụ của Ban Chấp hành.

Ba là niên hạn của Ban Chấp hành.

Sau khi Thư chung ra đời, các giáo xứ, giáo họ ở Giáo phận Phát Diệm lần lượt tiến hành thành lập Ban Chấp hành xứ

đạo và họ đạo. Số lượng của Ban gồm 3 người: Trưởng ban, phó ban, ủy viên thư kí. Có một số xứ đạo có tới 4 hoặc 5, thì có thể có hai phó ban và một số ủy viên.

Năm 1992, Giám mục Giáo phận Hải Phòng Nguyễn Tùng Cương ban hành cuốn *Lề luật họ đạo*, quy định thành lập Hội đồng giáo xứ. Cơ cấu gồm Ban Thường trực giáo xứ, Ban Hành giáo các họ.

Với Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Giám mục Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn đã công bố *Quy chế Hội đồng Mục vụ giáo xứ* của Tổng Giáo phận. Bản Quy chế có hiệu lực từ ngày 18/5/2002 và thay thế mọi quy định giáo phận tương tự trước đây. Hội đồng Mục vụ giáo xứ có cơ cấu như sau: *Ban Thường vụ* gồm chủ tịch, 2 phó Chủ tịch (một phụ trách nội vụ, một phụ trách ngoại vụ), thư kí, thủ quỹ. *Các ủy viên* gồm: Ban điều hành các khu xóm, các ban ngành mục vụ, các giới và hội đoàn.

Trong cùng thời kì, Tổng Giáo phận Hà Nội cũng đã ban hành bản dự thảo *Quy chế Hội đồng giáo xứ* của Tổng Giáo phận Hà Nội. Về toàn cục, Quy chế Hội đồng giáo xứ của Tổng Giáo phận Hà Nội có nhiều điểm tương đồng với bản Quy chế Hội đồng Mục vụ của Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ cấu Hội đồng giáo xứ gồm có:

Ban Thường vụ.

Các ủy viên Hội đồng giáo xứ.

*Ban Thường vụ* gồm: Chủ tịch, hai phó chủ tịch (một phụ trách nội vụ (đoàn thể) một ngoại vụ (truyền giáo, bác ái), thư kí, thủ quỹ.

*Các ủy viên* gồm ông trùm các giáo họ, ủy ban đặc trách mục vụ giáo xứ, bao

gồm: Ban Phụng vụ Thánh nhạc, Ban Giáo dục và Giáo lí, Ban Truyền giáo và Đoàn thể, Ban Giới trẻ và Thiếu nhi, Ủy ban đặc trách kinh tế giáo xứ.

Quy định từ phía giáo quyền là như thế, nhưng tài liệu diên dã dưới cơ sở của chúng tôi lại cho thấy muôn hình vạn trạng bộ mặt Hội đồng giáo xứ. Được hỏi về vấn đề này, các linh mục quản xứ cho biết đó là thói quen truyền thống không cần thiết phải thay đổi. Vả lại nhiệm vụ vẫn y nguyên như nhiệm vụ của Hội đồng Mục vụ giáo xứ. Với tổ chức Ban Hành giáo, các chức vụ là trưởng ban, phó trưởng ban (ở giáo xứ), thư kí, thủ quỹ, trùm trưởng, trùm phó (ở giáo họ). Rồi lại có không ít giáo xứ ở Miền Bắc thành lập Hội đồng Mục vụ giáo xứ nhưng lại gọi chủ tịch là Chánh trưởng, phó chủ tịch là Phó trưởng, bên dưới giáo họ vẫn gọi là trùm trưởng, trùm phó. Khi được hỏi thì trả lời trên gọi chủ tịch, phó chủ tịch... nghe nó hành chính nhà nước. Cũng có nơi lại không thích gọi trùm nọ, trùm kia và được giải thích rằng nghe có vẻ maphia (trùm buôn lậu thuốc phiện)... Thật là muôn hình vạn trạng. Sở dĩ như vậy vì đây là tổ chức phi quan phương. Mặc dù sau này được Giáo hội Công giáo hoàn vũ yêu cầu thành lập thống nhất một tổ chức, các giáo tỉnh đều ra *Quy chế Hội đồng Mục vụ giáo xứ* nhưng thực tế vẫn xảy ra như đã đề cập ở phần trên. Nguyên nhân có thể là do

vấn đề lịch sử để lại, do văn hóa, do tập tục ở mỗi vùng miền, thậm chí là do thói quen khó thay đổi...

Nhưng dù tên gọi có muôn hình, vạn trạng như trên thì nhiệm vụ chính của Hội đồng Mục vụ giáo xứ là cánh tay nối dài của linh mục xứ trong hoạt động phụng vụ và mục vụ.

Trong hoạt động phụng vụ, ở những thời kì đầu cho đến những năm 1950 ở cả nước và những năm 1970 ở Miền Bắc, một số chức vị trong Hội đồng Mục vụ giáo xứ được giao đảm nhiệm một số công việc mà về mặt quan phương thuộc về chức vụ tư tế (nghĩa là nhiệm vụ của linh mục xứ) như được làm bí tích rửa tội, trao ban Mình Thánh Chúa cho các tín đồ; làm phép xúc dầu cho bệnh nhân lúc nguy tử, làm chứng phép hôn phối, đọc sách Thánh trong nhà thờ.

Trong hoạt động mục vụ là việc giảng dạy giáo lí cho trẻ nhỏ, người tân tòng, giáo lí bao đồng, giáo lí hôn nhân... đưa trẻ đến nhà thờ thực hiện thánh lễ; Tham gia vào công việc quản trị tài sản nhất là thánh đường, nhà cửa, ruộng vườn... của nhà xứ; Điều hành các công trình xây dựng; Tham gia hòa giải những vương mắc của tín đồ trong xứ, họ đạo; Nắm tình hình, tâm tư nguyện vọng của tín đồ, đặc biệt là việc thực hiện nghĩa vụ của tín đồ về phương diện tín lí và phương diện trần thế để trình lên linh mục chính xứ tìm cách giải quyết./.